

Ngọc Hồi, ngày 11 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện chỉ số chất lượng bệnh viện năm 2022

Căn cứ Quyết định 7051/QĐ-BYT ngày 29/11/2016 của Bộ Y tế về việc Ban hành hướng dẫn xây dựng thí điểm một số chỉ số cơ bản đo lường chất lượng bệnh viện;

Căn cứ Kế hoạch số 623/KH-BVKVN ngày 08/4/2022 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi về việc Cải tiến chất lượng bệnh viện năm 2022;

Thực hiện Kế hoạch số 571/KH-BVKVN ngày 29 tháng 03 năm 2022 của Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi về việc xây dựng chỉ số chất lượng bệnh viện năm 2022;

Dựa vào kết quả thực hiện chỉ số chất lượng năm 2022 của các khoa/phòng, Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi báo cáo kết quả triển khai thực hiện chỉ số chất lượng bệnh viện năm 2022, như sau:

1. Kết quả thực hiện

(Có phụ lục kèm theo)

2. Ưu điểm

- Các khoa phòng đều xây dựng và thực hiện giám sát chỉ số chất lượng tại khoa, phòng mình.
- Các chỉ số chất lượng được theo dõi, đo lường và báo cáo kết quả thực hiện.
- Đa số các chỉ số chất lượng được đăng ký triển khai thực hiện đạt so với chỉ tiêu đề ra 19/23 chỉ số, chiếm tỷ lệ 82,60%.

3. Tồn tại

- Còn 04 chỉ số chưa đạt theo chỉ tiêu đăng ký, chiếm tỷ lệ 17,39%.
- Số nhân viên y tế được đào tạo và có chứng chỉ về sử dụng và vận hành máy thở chiếm tỷ lệ thấp (2/15 điều dưỡng có chứng chỉ).
- Bệnh nhân sử dụng máy thở đa số là bệnh nhân tuổi cao, bệnh nặng, bệnh kèm nhiều nên tỷ lệ hồi phục sau thở máy chưa cao (13/72 trường hợp, chiếm 18,1%).
- Thời gian nằm viện trung bình chưa đạt so với chỉ tiêu kế hoạch ở một số khoa (khoa Truyền nhiễm: 5,5 ngày, khoa Y dược cổ truyền: 9,6 ngày).

- Vẫn còn trường hợp bệnh nhân chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (78/1584 trường hợp, chiếm 4,9%).

4. Giải pháp cải tiến

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao tay nghề cho đội ngũ nhân viên y tế, đảm bảo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, hiệu quả trong điều trị cho người bệnh.

- Chú trọng triển khai áp dụng những kỹ thuật mới vào công tác điều trị và chăm sóc bệnh nhân. Triển khai các biện pháp giám sát chất lượng khám và điều trị bệnh.

- Tăng cường công tác chăm sóc toàn diện, tư vấn giáo dục nâng cao sức khoẻ, tư vấn chế độ dinh dưỡng trong thời gian nằm viện cho người bệnh.

- Phòng Điều dưỡng - Quản lý chất lượng - Công tác xã hội phối hợp với khoa, phòng tiếp tục phổ biến các quy trình chuyên môn, kỹ thuật, cho toàn thể nhân viên trong bệnh viện biết để thực hiện.

- Cử đi đào tạo về việc vận hành, bảo dưỡng và sử dụng máy thở cho nhân viên y tế làm việc tại khoa Cấp cứu và Hồi sức tích cực.

- Tiếp tục đào tạo, đầu tư trang thiết bị nâng cao kỹ thuật chuyên môn, triển khai thêm một số kỹ thuật cao tại bệnh viện nhằm hạn chế tối đa việc chuyển bệnh nhân đi tuyến khác.

- Tăng cường quảng bá các hoạt động chuyên môn, triển khai kỹ thuật mới, kỹ thuật cao của bệnh viện để thu hút người bệnh đến khám và điều trị tại bệnh viện.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chỉ số chất lượng năm 2022 tại Bệnh viện Đa khoa khu vực Ngọc Hồi./.

Nơi nhận:

- Ban Giám đốc bệnh viện;
- Các khoa, phòng;
- Lưu: VT, ĐD-QLCL-CTXH.

GIÁM ĐỐC



Đặng văn Đào

PHỤ LỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ SỐ CHẤT LƯỢNG NĂM 2022

| Chỉ số | Bộ phận thực hiện | Lĩnh vực áp dụng | Tần số báo cáo | Chỉ tiêu | Kết quả thực hiện | | |
|--|---|------------------|-------------------------------------|---------------|-------------------------|--------|-----------|
| | | | | | Tử số | Mẫu số | Kết quả |
| Tỷ lệ tai nạn thương tích do vật sắc nhọn | Phòng Điều dưỡng - Quản lý chất lượng - Công tác xã hội | Toàn bệnh viện | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\leq 2,5\%$ | Không có trường hợp nào | | |
| Tỷ lệ người bệnh chăm sóc cấp I được Điều dưỡng chăm sóc toàn diện | Phòng Điều dưỡng - Quản lý chất lượng - Công tác xã hội | Toàn bệnh viện | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\geq 15\%$ | 1.485 | 8.494 | 17,5% |
| Thời gian nằm viện trung bình của bệnh nhân nằm điều trị tại bệnh viện | Phòng Kế hoạch tổng hợp - Vật tư thiết bị y tế | Toàn bệnh viện | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | ≤ 7 ngày | 41.055 | 8.299 | 4,95 ngày |
| Tỷ lệ thoát nguồn thu viện phí tại bệnh viện do bệnh nhân trốn viện | Phòng Tài chính kế toán | Toàn bệnh viện | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\leq 3\%$ | Không có trường hợp nào | | |
| Tỷ lệ công văn chỉ đạo của Sở Y tế và các cơ quan ban ngành đều được thực hiện và không bị trễ hạn | Phòng Tổ chức Hành chính | Toàn bệnh viện | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | 100% | Không có trường hợp nào | | |
| Trung bình thời gian chờ đến lượt khám của người bệnh tại khoa Khám bệnh | Khoa Khám bệnh | Phòng khám | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | <15 phút | 9.200 | 800 | 11 phút |
| Trung bình thời gian chờ kết quả cận lâm sàng của người bệnh tại khoa Khám bệnh | | Phòng khám | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | < 25 phút | 16.600 | 800 | 21 phút |
| Tỉ lệ người bệnh tái khám đúng lịch đối với các bệnh mạn tính điều trị | | Phòng khám | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, | $\geq 80\%$ | 537 | 650 | 82,6% |

| | | | | | | | | |
|---|----------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------|-----------------|-------------------------|-------|----------|--|
| dài ngày | | | | 12 tháng | | | | |
| Tỷ lệ bệnh nhân sử dụng máy thở được cai máy thành công | Khoa Cấp cứu và Hồi sức tích cực | Cấp cứu cứu và Hồi sức tích cực | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\geq 50\%$ | 13 | 72 | 18,1% | |
| Tỷ lệ viên chức trong khoa được đào tạo truyền thông giáo dục sức khoẻ | Khoa Nội tổng hợp | Nội khoa | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | 100% | 8 | 8 | 100% | |
| Tỉ lệ điều trị thành công nhiễm trùng sơ sinh ở trẻ sơ sinh non tháng nhẹ cân | Khoa Nhi | Nhi khoa | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\geq 70\%$ | 51 | 67 | 76,1% | |
| Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh | Khoa Truyền nhiễm | Truyền nhiễm | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\geq 7,9$ ngày | 5.492 | 1.001 | 5,5 ngày | |
| Tỷ lệ Điều dưỡng tuân thủ quy trình vệ sinh tay | Khoa Y Dược cổ truyền | Y Dược cổ truyền | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $> 70\%$ | 78 | 86 | 90,6% | |
| Thời gian nằm viện trung bình trong tất cả các bệnh | | Y Dược cổ truyền | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\geq 9,8$ ngày | 4.954 | 513 | 9,6 ngày | |
| Tỷ lệ thực hiện vệ sinh tay đầy đủ 6 bước trước và sau khi chăm sóc người bệnh của điều dưỡng | Khoa Phục hồi chức năng | Phục hồi chức năng | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\geq 80\%$ | 103 | 120 | 85,8% | |
| Tỷ lệ tai nạn thương tích do vật sắc nhọn | Khoa Ngoại tổng hợp | Ngoại khoa | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\leq 2,5\%$ | Không có trường hợp nào | | | |
| Tỷ lệ chuyển lên tuyến trên khám chữa bệnh (tất cả các bệnh) | | Ngoại khoa | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\leq 2,5\%$ | 78 | 1584 | 4,9% | |
| Tỷ lệ bà mẹ đang cho con bú và | Khoa Phụ sản | Phụ sản | 3 tháng, 6 | 100% | 1.673 | 1.673 | 100% | |

| | | | | | | | | |
|---|----------------------------|---------------------|-------------------------------------|--------------|--|-----|--------|--|
| phụ nữ mang thai được tư vấn, hướng dẫn về lợi ích của nuôi con bằng sữa mẹ | | | tháng, 9 tháng, 12 tháng | | | | | |
| Tỷ lệ BS-DD-KTV tuân thủ thực hiện kỹ thuật theo quy trình chuẩn | Khoa Chẩn đoán hình ảnh | Chẩn đoán hình ảnh | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\geq 95\%$ | 10 | 10 | 100% | |
| Tỉ lệ mẫu xét nghiệm không đạt | Khoa Xét nghiệm | Xét nghiệm | 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\leq 5\%$ | 31 | 694 | 4,4% | |
| Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nhận suất ăn tại bệnh viện | Khoa Dinh dưỡng tiết chế | Dinh dưỡng tiết chế | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\geq 85\%$ | 703 | 800 | 87,87% | |
| Tỷ lệ nhiễm khuẩn vết mổ | Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn | Ngoại khoa | 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng, 12 tháng | $\leq 1,7\%$ | 04 | 738 | 0,54% | |
| Tỷ lệ thuốc được bảo quản đúng theo quy định | Khoa Dược | Dược | 06 tháng, 12 tháng | 100% | Tỷ lệ 100% thuốc được bảo quản đúng quy định | | | |